TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2019/ DS-ST
Ngày: 06/8/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

Bà Võ Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Kim Thương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/8/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2019/TLST-DS ngày 20/3/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 335/2019/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2019/QĐST-DS ngày 10/7/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A; địa chỉ trụ sở: K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm X; cư trú tại: Q, quận V, TP HCM; địa chỉ liên lạc: M, Quận B, TP Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A (văn bản ủy quyền số 452/UQ-QLN.19 ngày 02/7/2019).

- *Bị đơn:* Bà Lưu Thị Mỹ X, sinh năm Y; Cư trú tại: M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/8/2018, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A do bà Lê Thị Thanh T đại diện trình bày:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 09/4/2012 của bà Lưu Thị Mỹ X; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là ngân hàng A) - Ngày 13/4/2012 Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A đồng ý cấp thẻ tín dụng số 4791 3826 0003 0255 cho bà X. Hạn mức thẻ là 10.000.000 đồng, thời hạn hiệu lực thẻ là 3 năm từ ngày 13/4/2012 đến ngày 13/4/2015, lãi suất vay được tính trên số dư nợ theo lãi suất cho vay thẻ do ngân hàng A ban hành tại từng thời điểm.

Từ khi phát hành thẻ, bà X đã nhiều lần giao dịch, rút tiền, thanh toán. Theo các thông báo giao dịch thẻ tín dụng từ tháng 5/2012 đến tháng 1/2018 (lần giao dịch cuối của bà X) thì bà Lưu Thị Mỹ X nợ ngân hàng A số nợ gốc là 11.014.287đ. Từ ngày 24/01/2018 bà X ngừng thanh toán nên ngân hàng A chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 06/8/2019 là ngày xét xử sơ thẩm, bà Lưu Thị Mỹ X còn nợ ngân hàng A tổng số tiền 18.352.065đ (Mười tám triệu ba trăm năm mươi hai ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó gồm: nợ gốc là 11.014.287đ (Mười một triệu không trăm mười bốn ngàn hai trăm tám mươi bảy đồng); Lãi quá hạn là 7.337.778đ (Bảy triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

Nay ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Lưu Thị Mỹ X trả cho ngân hàng A tổng dư nợ còn thiếu theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 09/4/2012 là 18.352.065đ (Mười tám triệu ba trăm năm mươi hai ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó gồm: nợ gốc 11.014.287đ (Mười một triệu không trăm mười bốn ngàn hai trăm tám mươi bảy đồng); Lãi quá hạn là 7.337.778đ (Bảy triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng A kể từ ngày 6/8/2019 đến ngày bà Lưu Thị Mỹ X trả dứt nợ. Bà Lưu Thị Mỹ X phải trả nợ theo thứ tự sau: vốn gốc, lãi quá hạn. Ngân hàng A yêu cầu bà Xuyên chịu trách nhiệm cá nhân về khoản nợ, vì mục đích vay là tiêu dùng cá nhân.

Bị đơn là bà Lưu Thị Mỹ X vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP A (Sau đây gọi tắt là ngân hàng A) khởi kiện yêu cầu bà Lưu Thị Mỹ X phải thanh toán tiền gốc và lãi từ

việc sử dụng thẻ tín dụng phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng A. Mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân. Như vậy, đây là " tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn là bà Lưu Thị Mỹ X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Vào ngày 09/4/2012, bà Lưu Thị Mỹ X có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP A. Theo đó hạn mức tín dụng yêu cầu là 10.000.000đ, đã được Ngân hàng TMCP A cấp thẻ vào ngày 13/4/2012, thời hạn hiệu lực thẻ là 36 tháng, hình thức bảo đảm là tín chấp, mục đích sử dụng là tiêu dùng.

Căn cứ vào Bảng thông báo giao dịch hàng tháng của ngân hàng TMCP A với chủ thẻ là bà Lưu Thị Mỹ X thì từ tháng 5/2012 đến tháng 1/2018 bà Lưu Thị Mỹ X nợ ngân hàng A số nợ gốc là 11.014.287đ, Từ ngày 24/01/2018 bà X ngừng thanh toán nên ngân hàng A chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 06/8/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) thì bà Lưu Thị Mỹ X còn nợ Ngân hàng TMCP A số nợ gốc là 11.014.287đ (Mười một triệu không trăm mười bốn ngàn hai trăm tám mươi bảy đồng) và tiền lãi quá hạn là 7.337.778đ (Bảy triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng). Như vậy, phía bà X đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự thì bà X phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP A. Nay Ngân hàng TMCP A yêu cầu bà Lưu Thị Mỹ X trả tiền vốn gốc và nợ lãi quá hạn là 18.352.065đ (Mười tám triệu ba trăm năm mươi hai ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng) là có cơ sở. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc bà X phải thanh toán toàn bộ số tiền 18.352.065đ (Mười tám triệu ba trăm năm mươi hai ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng) cho Ngân hàng TMCP A làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là bà Lưu Thị Mỹ X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Thị Mỹ X phải chịu án phí là 5% trên số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP A là 18.352.065đ x 5% = 917.600đ (Chín trăm mười bảy ngàn sáu trăm đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 264, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1/Buộc bà Lưu Thị Mỹ X trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền vay còn nợ từ việc giao dịch thẻ tín dụng số 4791 3826 0003 0255 phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 09/4/2012 của bà Lưu Thị Mỹ X; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A là 18.352.065đ (Mười tám triệu ba trăm năm mươi hai ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 11.014.287đ (Mười một triệu không trăm mười bốn ngàn hai trăm tám mươi bảy đồng) và tiền lãi quá hạn là 7.337.778đ (Bảy triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

Thời hạn thanh toán là ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là bà Lưu Thị Mỹ X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lưu Thị Mỹ X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 917.600đ (Chín trăm mười bảy ngàn sáu trăm đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 328.848đ (Ba trăm hai mươi tám ngàn tám trăm bốn mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0010942 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Lưu Thị Mỹ X được quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THA dân sự Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Minh Châu